

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 28/09/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PVD1+RP2+PVD1	7:25	22+0+0	0+0+0		0+7+15	0+0+0	chuyen 1 Rp2-CTC1
2		P10+P9	7:25	9+13	0+0		7+15	0+0	
3		BK10+BK4+P2	7:25	5+4+13	0+0+0		5+4+13	0+0+0	
4		P1+BK3+P10	7:25	5+7+10	0+0+0		1+9+12	0+0+0	
5		MRM+BK3	9:25	20+0	0+0		20+2	0+0	
6		BK15+P10+P11	9:25	10+8+4	0+0+0		7+11+4	0+0+0	
7		P2+VSP02+PVD1	9:25	7+15+0	0+0+0		6+0+16	0+0+0	
8		BK5+P9	9:25	5+17	0+0		0+22	0+0	

TTPDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/09/2022	TO: PVD1 - RP2 - PVD1.	AIRCRAFT: 4N 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: TTrung - ĐNam - Toan	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN CHUNG	PVD1	89	1	5	10	64	NHATHAU	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	PVD1	82	1	7		65	NHATHAU	Vietnamese
3	NGÔ VĂN TẠO	PVD1	86	1	5		60	NHATHAU	Vietnamese
4	VU THANH DUONG	PVD1	38-39	2	14		83	D-HANH	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TIẾN	PVD1	37	1	6		77	KHOAN	Vietnamese
6	NGÔ THANH DOAN	PVD1	92	1	3		54	NHATHAU	Vietnamese
7	NGÔ SY THUẬN	PVD1	42	1	9		67	NHATHAU	Vietnamese
8	HOANG HUU BINH	PVD1	91	1	10		72	NHATHAU	Vietnamese
9	PHẠM THẾ LAM	PVD1	40-41	2	12		81	NHATHAU	Vietnamese
10	VU ĐỨC CANH	PVD1	88	1	7		80	NHATHAU	Vietnamese
11	HỒ ĐẠI PHƯƠNG	PVD1	93	1	5		75	NHATHAU	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG HOA	PVD1	85	1	7		63	NHATHAU	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC HAI	PVD1	81	1	6		75	NHATHAU	Vietnamese
14	PHẠM ANH SƠN	PVD1	87	1	5		78	NHATHAU	Vietnamese
15	NGUYỄN ANH DŨNG	PVD1	90	1	6		54	NHATHAU	Vietnamese
16	CHU VĂN TUỐC	PVD1	83-84	2	9		72	NHATHAU	Vietnamese
17	TRẦN TỰ LONG	PVD1	43	1	5		66	NHATHAU	Vietnamese
18	ĐẶNG DINH KHAI	PVD1	44	1	11		75	NHATHAU	Vietnamese
19	PHẠM ANH TUÂN	PVD1	79-80	2	20		81	NHATHAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	19	23	152	1.342	10	0		CHUYỂN 1 PAX TỪ RP2-PVD1.
2	RP2	0	0	0	0	30	7		
3	PVD1.	0	0	0	0	0	15		
TOTAL		19	23	152	1.342	40	22		
WEIGHT KG				152	1.342	40			

GRAND TOAL: 1.534 KGS

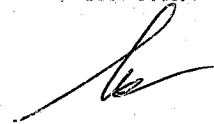
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/09/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 2	TO: P10 - P9	CREW: Hạnh - KHAI - thông	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HỒ ANH QUỐC	P10	16	1	5	60	74	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM HUYNH VŨ	P10	15	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH HẢI	P10	19	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN ĐỨC BA	P10					85	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ BẢO TRUNG	P10	20	1	6		86	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU LŨU	P10	14	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ANH KHOA	P10	18	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ NGUYỄN TRUNG	P10					55	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM NGỌC THANH	P10	17	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ TUẤN VŨ	P9	41	1	10	55	65	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN THANH HAI	P9	46	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ MINH THUY	P9	43	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH NHAN	P9	42	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ VĂN THOẠI	P9	39	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI NGỌC THÂN	P9	38	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGÔ AN CHUNG	P9	45	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ MINH THUY	P9					77	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT CUONG	P9	47	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VIỆT THANG	P9	36	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	HỒ SĨ BÌNH	P9	44	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN VĂN BĂNG	P9	40	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN VĂN DŨNG	P9	37	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

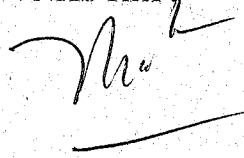
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	9	7	45	641	60	7		
2	P9	13	12	63	921	55	15		
TOTAL		22	19	108	1.562	115	22		
WEIGHT KG				108	1.562	115			

GRAND TOTAL: 1.785 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/09/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	TO: BK10 - BK4 - P2	CREW: Linh - Dương - THỤ - Tú	ETA: 09:15
<i>Signature</i>			

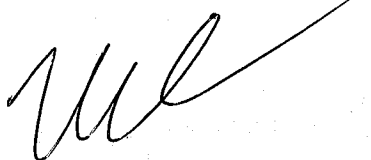
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN CONG TAN	BK10	44	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
2	VU XUAN THUY	BK10	42	1	5	40	70	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM HOANG GIANG	BK10	19	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
4	PHUNG ANH TUAN	BK10	40-41	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN THANH SON	BK10	43	1	5		70	PSV	Vietnamese
6	NGUYEN TIEN DUNG	BK4	93-94	2	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGO DANG DUC	BK4				60	70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN TIEN	BK4	92	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM XUAN MANH	BK4	95	1	5		67	PSV	Vietnamese
10	MIRSAYAPOV RUSLAN	P2	31	1	5		100	KH-THAC	Russian
11	LE VAN LAM	P2	32	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	LE TUAN ANH	P2	35	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	ZAKHARIN SERGEY	P2	40	1	10		108	KH-THAC	Russian
14	DUONG XUAN DIEP	P2	34	1	5		45	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN DANG	P2	38-39	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
16	DAO VAN DUC	P2	41	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	VU THANH LONG	P2	36	1	5	20	75	KH-THAC	Vietnamese
18	DUONG VAN THUAN	P2	37	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN HUU PHI	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN DUY NGOC	P2	91	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
21	HA VAN TRUNG	P2	33	1	12		78	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN SON TIEN	P2	30	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

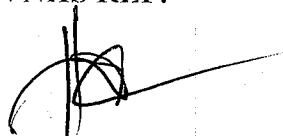
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	5	6	30	365	40	5		
2	BK4	4	4	15	277	60	4		
3	P2	13	13	82	958	20	13		
TOTAL		22	23	127	1.600	120	22		
WEIGHT KG				127	1.600	120			

GRAND TOTAL: 1.847 KGS

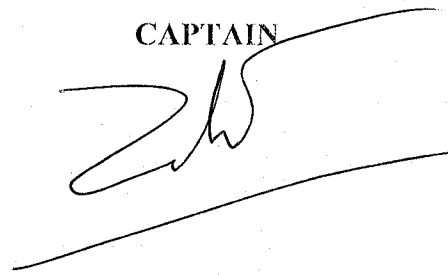
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/09/2022	TO: P1 - BK3 - P10	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: MTHAO - VThắng - DTùng	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN TOAN	P1	54	1	5	20	72	D-HANH	Vietnamese
2	HO NGOC HUNG	P1	52	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN TIEN THANG	P1	55	1	5		58	NIPI	Vietnamese
4	BUI DINH PHI	P1	50-51	2	10		66	NIPI	Vietnamese
5	DO VAN MANH	P1	53	1	10		73	NHATHAU	Vietnamese
6	VU DUY KHUONG	BK3	06	1	7	60	62	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN PHUOC	BK3	07	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN CONG THANH	BK3	04	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
9	VU VIET HUAN	BK3	11	1	12		72	KH-THAC	Vietnamese
10	DOAN MINH DAT	BK3	08-09	2	15		70	DVL	Vietnamese
11	NGUYEN VAN SA	BK3	10	1	4		68	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN TRUNG THANH	BK3	05	1	7		72	PSV	Vietnamese
13	TRAN VAN LOI	P10	33	1	10	20	63	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN TOAN	P10	24	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN NAM	P10	31-32	2	14		93	KH-THAC	Vietnamese
16	VU DINH CUONG	P10	23	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN BAO LAM	P10	25	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM HIEU LIEM	P10	30	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM VAN THUYET	P10	22	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
20	LE CHI HIEU	P10					78	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG VAN THANG	P10	26-27	2	20		62	XAY LAP	Vietnamese
22	NGUYEN HUNG CUONG	P10				35	57	XAY LAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

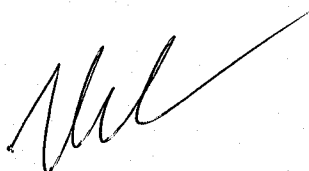
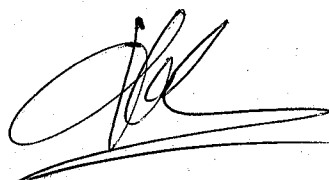
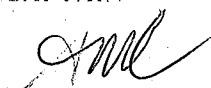
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	5	6	35	345	20	1		
2	BK3	7	8	53	490	60	9		
3	P10	10	10	73	697	55	12		
TOTAL		22	24	161	1.532	135	22		
WEIGHT KG				161	1.532	135			

GRAND TOAL: 1.828 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/09/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 5	TO: MRM - BK3	CREW: TTrung - ĐNam - Toan	ETA: 11:10
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM QUỐC TUẤN	MRM	06-07	2	15		70	PVD-BH	Vietnamese
2	NGUYỄN MẠNH CUÔNG	MRM	14	1	12		70	PVD-BH	Vietnamese
3	NGÔ MINH CHÁNH	MRM	08-09	2	15	15	60	PVD-BH	Vietnamese
4	LÊ VĂN QUANG	MRM	61-62	2	12	10	65	DVL	Vietnamese
5	LÊ DUY THANG	MRM	59-60	2	12		65	DVL	Vietnamese
6	PHẠM XUÂN HÙNG	MRM	03	1	10		70	DVL	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN ĐỒNG	MRM	10-11	2	18		72	DVL	Vietnamese
8	ORUDZHEV SHUKURULLA	MRM	24	1	10		88	NHATHAU	Russian
9	IAMASHIEV ALBERT	MRM	20	1	15		76	NHATHAU	Russian
10	BEKISHIEV TROLBEK	MRM	57-58	2	18		67	NHATHAU	Russian
11	LOGANOV VITALII	MRM	16-17	2	18		90	NHATHAU	Russian
12	KUCHMII EGOR	MRM	22-23	2	15		105	NHATHAU	Russian
13	DIACHUK DMITRII	MRM	15	1	10		70	NHATHAU	Russian
14	KRIVOSHEEV MAKSIM	MRM	18-19	2	18		100	NHATHAU	Russian
15	ZHIGALO ALEKSANDR	MRM	26-27	2	18		90	NHATHAU	Russian
16	PAVLJUK VITALII	MRM	28-29	2	18		95	NHATHAU	Russian
17	KONDRATIUK KIRILL	MRM	17	1	18		78	NHATHAU	Russian
18	NGUYEN VAN TIET	MRM	12-13	2	18		78	NHATHAU	Russian
19	ALEXANDER POPOV	MRM	25	1	15		82	NHATHAU	Russian
20	LÊ ANH SƠN	MRM	01-02	2	10		70	NHATHAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

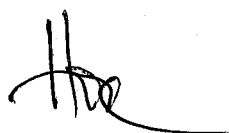
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	20	33	295	1.561	25	20		
2	BK3	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		20	33	295	1.561	25	22		
WEIGHT KG				295	1.561	25			

GRAND TOAL: 1.881 KGS

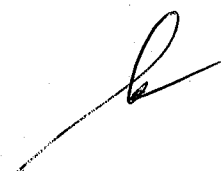
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/09/2022	TO: BK15 - P10 - P11	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: VTHU - Hạnh - thông	ETA: 11:40
NAU-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TIÊN HOÀNG SƠN	BK15	16	1	5	35	80	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	BK15	20	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	BK15	18	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HOÀNG KHA	BK15	17	1	7	48	77	KH-THAC	Vietnamese
5	TRƯỜNG TẤN LỢI	BK15	08	1	13		79	XAYI.AP	Vietnamese
6	LE TU KHA	BK15	11-12	2	19		88	XAYI.AP	Vietnamese
7	NGÔ ĐÌNH NHẬT MINH	BK15	13-14	2	18		90	XAYI.AP	Vietnamese
8	PHAN THANH HÙNG	BK15	09-10	2	13		72	XAYI.AP	Vietnamese
9	HOÀNG VĂN PHƯƠNG	BK15	19	1	4		64	PSV	Vietnamese
10	PHẠM TUẤN VIỆT	BK15	15	1	8		90	DK9	Vietnamese
11	HOÀNG ANH TUẤN	P10	37	1	8		63	XAYI.AP	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG BÌNH	P10	66	1	5		65	YTE	Vietnamese
13	PHẠM VĂN TÀI	P10	81	1	4		77	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN NĂNG	P10	40	1	5		60	PSV	Vietnamese
15	BUI VĂN NGUYỄN	P10	39	1	3		70	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN TUẤN ANH	P10	36	1	6		50	PSV	Vietnamese
17	ĐỖ HUY KHANH	P10	38	1	10		80	PSV	Vietnamese
18	VŨ XUÂN TIẾN	P10	41	1	8		70	PSV	Vietnamese
19	LE VIET DUNG	P11	55	1	6	15	68	KH-THAC	Vietnamese
20	DẶNG VĂN ĐỨC	P11	50-51	2	8		64	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN DUY HÀ	P11	52-54	3	19		79	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN LINH	P11	49	1	3		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

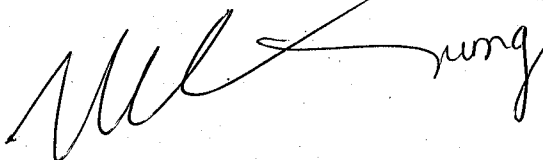
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK15	10	13	95	769	83	7		
2	P10	8	8	49	535	0	11		
3	P11	4	7	36	281	15	4		
TOTAL		22	28	180	1.585	98	22		
WEIGHT KG				180	1.585	98			

GRAND TOAL: 1.863 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN






FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/09/2022	TO: P2 - VSP02 - PVDI	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:35
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Linh - Duong - THU - Tú	ETA: 11:15
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN ĐANG TUÂN	P2	46	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ ANH NGỌC	P2	44-45	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN ĐỘ	P2					65	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÀO QUANG THIẾT	P2	47	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TIẾN DAT	P2	43	1	3	60	70	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ QUY TÂN	P2	48	1	2		60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TÂN PHONG	VSP02	25-26	2	16		64	SHINTRAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN ON	VSP02	10-11	2	14		74	SHINTRAC	Vietnamese
9	VŨ TRỌNG THẢO	VSP02	19-20	2	15		63	SHINTRAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TRƯỜNG SAN	VSP02	12	1	10		46	SHINTRAC	Vietnamese
11	PHAN THANH MỸ	VSP02	31-32	2	17		69	SHINTRAC	Vietnamese
12	PHẠM VĂN HAI	VSP02	35-36	2	15		63	SHINTRAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN CUÔNG	VSP02	23-24	2	13		58	SHINTRAC	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC THO	VSP02	15-16	2	14		60	SHINTRAC	Vietnamese
15	NGUYỄN MINH MÃN	VSP02	27-28	2	15		78	SHINTRAC	Vietnamese
16	HUỲNH VĂN HẠNH	VSP02	13-14	2	13		80	SHINTRAC	Vietnamese
17	DANG HONG CHUC	VSP02	33-34	2	20		67	SHINTRAC	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH HAI	VSP02	21-22	2	14		62	SHINTRAC	Vietnamese
19	NGUYỄN THAI GIANG	VSP02	29	1	10		55	SHINTRAC	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU TRUNG	VSP02	30	1	10		58	SHINTRAC	Vietnamese
21	LAM VĂN VINH A	VSP02	17-18	2	15		62	SHINTRAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	6	6	25	407	60	6		
2	VSP02	15	27	211	959	0	2		
3	PVDI	0	0	0	0	0	14		
TOTAL		21	33	236	1.366	60	22		
WEIGHT KG				236	1.366	60			

GRAND TOAL: 1.662 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/09/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 8	TO: BK5 - P9	CREW: MTHAO - VThắng - DTùng	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN CÔNG ĐÌNH	BK5	92	1	11	10	65	XAYLAP	Vietnamese
2	NGÔ VĂN QUÂN	BK5	90-91	2	18	17	50	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ VĂN HOA	BK5	93-94	2	17		66	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐOÀN ĐÌNH DỤNG	BK5	88-89	2	19		66	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN CHU	BK5	98-99	2	16		64	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN VĂN HÀ	P9	67	1	5	20	70	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ ĐÌNH THUẬN	P9	66	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ NGỌC THANH	P9	64	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TIẾN TÙNG	P9	63	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN HAI	P9	65	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐO QUANG HÙNG	P9	52-54	3	14		62	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN CAO CHÍ	P9	61	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN QUỐC TÀI	P9	69-70	2	11		73	XAYLAP	Vietnamese
14	PHẠM NGỌC ĐIỀU	P9	68	1	14		72	XAYLAP	Vietnamese
15	HỒ ĐỨC HIỀN	P9	59-60	2	14		50	YTE	Vietnamese
16	PHẠM CÔNG TUẤN	P9	71	1	4		57	PSV	Vietnamese
17	VŨ VĂN PHÚC	P9	55	1	2		54	PSV	Vietnamese
18	LÊ VĂN VIỆT	P9	58	1	3		78	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN QUỐC TUẤN	P9	62	1	5		75	PSV	Vietnamese
20	HỒ HỮU PHƯƠNG	P9	57	1	7		85	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN QUANG	P9					65	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN HIỀN	P9	56	1	9		65	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	5	9	81	311	27	0		
2	P9	17	20	110	1.148	20	22		
TOTAL		22	29	191	1.459	47	22		
WEIGHT KG				191	1.459	47			

GRAND TOAL: 1.697 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

